|  |
| --- |
| **VIỆT NAM**  **Chỉ số sản xuất công nghiệp** |

|  |  |
| --- | --- |
| **0. Những yêu cầu tiên quyết của chất lượng** | |
| **01. Môi trường pháp lý** | **0.1.1. Trách nhiệm thu thập, xử lý, và phổ biến số liệu thống kê** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015;  Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;  Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.  Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.  Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.  Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.  Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045  Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.  Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;  Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 22 tháng 01 năm 2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;  Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia;  Thông tư số [06/2023/TT-BKHĐT](https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2023/10/06-bkhdt.signed.pdf) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 02 tháng 10 năm 2023 ban hành quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thống kê;  Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 ban hành Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của Hộ gia đình Việt Nam.  Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.  Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.  Quyết định số 643/2017/QĐ-TTg ngày 11/5/2017 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng Thống kê đến năm 2030.  Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến năm 2030.  Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018 phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê Nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030.  Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 phê duyệt Đề án xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển doanh nghiệp.  Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ.  Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/03/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát. |
|  | **0.1.2. Chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan sản xuất  số liệu** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Chia sẻ thông tin và phối hợp giữa TCTK với các Bộ, ngành đã được chính thức hóa bằng:  Luật Thống kê 2015 (Điều 36, 37, 38, 39 về sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê Nhà nước);  Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê (Điều 11. Cung cấp, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê Nhà nước);  Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;  Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.  Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;  Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 22 tháng 01 năm 2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;  Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia;  Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 phê duyệt Đề án xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển doanh nghiệp.  Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018 phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê Nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030;   * Quyết định số 153/2002/QĐ-TTg ngày 07 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc tham gia hệ thống phổ biến số liệu chung (GDDS);   Quyết định số 1471/QĐ-BKHĐT ngày 12/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định nội dung, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê và các Bộ, ngành;  Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  Các thỏa thuận hợp tác, chia sẻ thông tin giữa TCTK với một số Bộ, cơ quan. |
|  | **0.1.3. Vấn đề bảo mật thông tin của đối tượng cung cấp tin** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Luật Thống kê 2015 (Điều 57. Bảo mật thông tin thống kê Nhà nước) quy định các loại thông tin thống kê nhà nước phải được giữ bí mật, trong đó có thông tin gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đó đồng ý hoặc Luật có quy định khác. Các nội dung về bảo mật thông tin thống kê cũng được ghi trên các phiếu điều tra thống kê.  Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê (thay thế Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 cũng đã quy định về xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về bảo mật thông tin của từng cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin thống kê) (Điều 15).  Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số [95/2016/](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-95-2016-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-thong-ke-313518.aspx)NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê (Điều 1) |
|  | **0.1.4. Đảm bảo việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Luật Thống kê 2015 (Điều 44) đã qui định quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê.  Nghị định số 95/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ cũng đã quy định xử phạt hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm vấn đề này.  Nghị định số 100/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số [95/2016/](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-95-2016-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-thong-ke-313518.aspx)NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê. |
| **0.2. Các nguồn lực** | **0.2.1. Cán bộ, trang thiết bị, máy tính và tài chính** |
|  | Tham gia trực tiếp tính toán và biên soạn chỉ số sản xuất công nghiệp gồm 17 công chức đang làm việc tại Vụ Thống kê Công nghiệp - Xây dựng và khoảng 63 công chức làm việc tại các Cục Thống kê. |
| **1.Tính thống nhất** | |
| **1.1. Tính chuyên môn** | **1.1.1 Nguyên tắc khách quan và không thiên vị** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Luật Thống kê 2015 quy định nguyên tắc cơ bản của hoạt động thống kê và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê: “Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời”, “Công khai, minh bạch” (khoản 1, Điều 5); “Bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng dữ liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được công bố” (khoản 3, Điều 5). |
|  | **1.1.2 Lựa chọn các nguồn số liệu, phương pháp luận và hình thức phổ biến thông tin** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Nguồn số liệu để biên soạn các chỉ tiêu thống kê đã được qui định rõ trong Luật Thống kê 2015 (Chương II: Hệ thống thông tin thống kê Nhà nước; Chương III: Thu thập thông tin thống kê Nhà nước);  Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của luật thống kê năm 2021.  Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.  Nghị định 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 Quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.  Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia;  Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;  Quyết định số 11/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 ban hành Bảng phân loại tiêu dùng theo mục đích của Hộ gia đình Việt Nam;  Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018 phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê Nhà nước giai đoạn 2017-2025, tầm nhìn đến năm 2030;  Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;  Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam.  Quyết định số 01/2019/QĐ-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước đến  năm 2030.  Quyết định số 1255/QĐ-TTg ngày 26/9/2018 phê duyệt Đề án xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển doanh nghiệp...  Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 01/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát.  Việc phổ biến thông tin thống kê cũng được qui định rõ trong Luật Thống kê: "Thông tin thống kê đã được công bố theo quy định của Luật này phải được phổ biến kịp thời, đầy đủ, rộng rai, công khai, minh bạch” (khoản 1, Điều 49). Hình thức phổ biến thông tin cũng được quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 49.  Nội dung phổ biến thông tin được quy định cụ thể trong Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê.  TCTK đã phổ biến khái niệm, định nghĩa, phương pháp tính, nguồn số liệu của một số chỉ tiêu thống kê trên niên giám thống kê, website TCTK và một số ấn phẩm chuyên khảo như: Một số thuật ngữ thống kê thông dụng; Từ điển thống kê bằng 3 thứ tiếng Việt - Anh - Pháp; Phương pháp tính các chỉ tiêu tổng hợp trong SNA; Sổ tay hướng dẫn tài khoản quốc gia. |
|  | **1.1.3. Đưa ý kiến khi số liệu thống kê bị hiểu sai và sử dụng sai** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Luật Thống kê 2015 (Điều 59. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan thống kê Trung ương trong việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước)  Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê (Điều 12. Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước);  TCTK đã có ý kiến với các cơ quan, tổ chức nếu số liệu thống kê đăng tải không chuẩn xác. |
| **1.2.Tính minh bạch** | **1.2.1. Công bố các điều khoản và điều kiện để thực hiện thu thập, xử lý và phổ biến số liệu thống kê** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Luật Thống kê,những điều khoản, điều kiện để thực hiện tính toán và phổ biến số liệu thống kê được phổ biến qua website của TCTK (<http://www.gso.gov.vn>; <http://gso.gov.vn>); trên Niên giám thống kê, biên soạn và phát hành một số ấn ấn phẩm chuyên khảo như: Một số thuật ngữ thống kê thông dụng; Từ điển thống kê bằng 3 thứ tiếng Việt - Anh - Pháp; Phương pháp tính các chỉ tiêu tổng hợp trong SNA; Sổ tay hướng dẫn tài khoản quốc gia, công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê trên website. |
|  | **1.2.2 Quyền tiếp cận số liệu thống kê trước khi công bố của nội bộ các cơ quan chính phủ** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Chưa có bất kỳ một tuyên bố nào cho công chúng về việc các cơ quan chính phủ được tiếp cận số liệu thống kê trước khi TCTK  công bố.  Các cá nhân bên ngoài cơ quan không được phổ biến trước số liệu , trừ trường hợp các dữ liệu được biên soạn từ các tài liệu hoặc các câu trả lời của các cuộc điều tra của các Bộ, ngành tham gia phổ biến các số liệu. Trong trường hợp này, truy cập vào dữ liệu được cung cấp cho các cơ quan đó để xác nhận số liệu thống kê dự kiến sẽ được công bố. |
|  | **1.2.3 Các sản phẩm thống kê thuộc thẩm quyền** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh, huyện, xã đã qui định rõ cho từng cơ quan chịu trách nhiệm thu thập và tổng hợp theo từng nhóm chỉ tiêu cụ thể.  Các số liệu, sản phẩm thống kê do TCTK công bố đều được lãnh đạo Tổng cục ký, đóng dấu (đối với báo cáo), in logo, tên TCTK ở trang bìa và lời nói đầu trong các ấn phẩm (đối với các ấn phẩm khác). Như vậy, sản phẩm của cơ quan thống kê cấp nào được xác định một cách cụ thể và rõ ràng. |
|  | **1.2.4. Thông báo trước về những thay đổi lớn trong phương pháp luận, nguồn số liệu và các kỹ thuật thống kê** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Những thay đổi lớn trong phương pháp luận, nguồn số liệu và các kỹ thuật thống kê đượcTCTK giới thiệu tới công chúng bằng cách họp báo, hội nghị, phương tiện thông tin đại chúng, website TCTK; Tạp chí của TCTK trước khi công bố chính thức. |
| **1.3Các tiêu chuẩn đạo đức** | **1.3.1 Những chỉ dẫn về hành vi của cán bộ** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Điều 66 Luật Thống kê 2015 quy định rõ người làm công tác thống kê phải có “phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan, có ý thức chấp hành pháp luật” và có “trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thống kê”. [Thông tư 08/2023/TT-BKHĐT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-08-2023-TT-BKHDT-ma-so-xep-luong-cac-ngach-cong-chuc-chuyen-nganh-thong-ke-580998.aspx) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức thống kê. |
| **2. Phương pháp luận** | |
| **2.1.Các định nghĩa và khái niệm** | **2.1.1. Cấu trúc chung về khái niệm và định nghĩa tuân theo các chuẩn mực, hướng dẫn và cách thực hành tốt đã được quốc tế công nhận.** |
|  | Các khái niệm, định nghĩa tuân theo các khuyến nghị của Quốc tế về Thống kê Công nghiệp 2008. |
| **2.2. Phạm vi** | **2.2.1. Phạm vi** |
|  |  |
|  | **2.2.1.1. Phạm vi của số liệu** |
|  | Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng (gọi tắt là IIP) do Tổng cục Thống kê công bố được tính toán trên sự biến động của khối lượng sản xuất bao gồm các ngành: khai khoáng; chế biến, chế tạo; sản xuất và phối điện, khí đốt, nước.  Từ tháng 6/2012, chỉ số sản xuất công nghiệp được chuyển đổi sang phân ngành mới VSIC 2007 bao gồm 4 ngành: khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hoà không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải. |
|  | **2.2.1.2. Những trường hợp ngoại lệ** |
|  |  |
|  | **2.2.1.3. Những hoạt động không được ghi chép** |
|  |  |
| **2.3. Phân loại/phân ngành** | **2.3.1. Phân loại/phân ngành** |
|  | Hệ thống phân ngành được sử dụng là hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 (VSIC 2007)  Hệ thống phân loại sản phẩm sử dụng là hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam 2010 |
| **2.4. Cơ sở để ghi chép** | **2.4.1. Giá trị** |
|  |  |
|  | **2.4.2. Cơ sở ghi chép** |
|  |  |
|  | **2.4.3. Tính gộp hoặc tính thuần** |
|  |  |
| **3. Tính chính xác và độ tin cậy của số liệu** | |
| **3.1.Số liệu nguồn** | **3.1.1. Chương trình thu thập số liệu nguồn** |
|  | 1. Từ tháng 6/2011 Tổng cục Thống kê chính thức công bố chỉ tiêu “Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng” theo phương pháp mới, sử dụng năm 2005 là năm gốc thay thế chỉ tiêu “Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá so sánh 1994”. Chỉ số này được tính toán trên cơ sở biến động về khối lượng sản xuất của các sản phẩm công nghiệp chủ yếu với quyền số là giá trị tăng thêm. Chỉ số mới này đã được công bố để người dùng tin tham khảo hàng tháng từ năm 2009. Chỉ số này đã được sử dụng chính thức thay thế chỉ tiêu “Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá năm gốc 1994” theo thông tư 07/2011/TT-BKHĐT. Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng (IIP) được tính toán trên cơ sở số liệu thu thập được từ các cơ sở kinh tế được chọn điều tra mẫu.  Từ tháng 01/2013 Tổng cục Thống kê chính thức công bố “Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng theo năm gốc so sánh 2010”. Mẫu điều tra được chọn theo 4 cấp như sau: (1) Chọn các ngành công nghiệp cấp 2 có giá trị tăng thêm lớn nhất đại diện cho ngành cấp I chiếm từ 90% trở lên giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp cấp I; Các bước chọn mẫu tiếp theo tính đại diện chiếm từ 75% trở lên giá trị tăng thêm, cụ thể: (2) Chọn các ngành công nghiệp cấp 4 có giá trị tăng thêm lớn nhất đại diện cho ngành cấp II được chọn ở bước 1; (3) Chọn các sản các phẩm có giá trị tăng thêm lớn nhất đại diện cho ngành cấp 4 được chọn ở bước 2, và (4) Chọn các cơ sở sản xuất có khối lượng sản phẩm sản xuất lớn nhất của các sản phẩm được chọn.  Từ tháng 07/2017 Tổng cục Thống kê chính thức công bố “Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng theo năm gốc so sánh 2015”  Tỷ lệ trả lời từ các cơ sở được chọn mẫu điều tra hàng tháng bình quân hàng tháng là 95%.  2. Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hàng tháng theo phương pháp mới, sử dụng năm 2005 là năm gốc. Chỉ số này được tính toán trên cơ sở biến động về khối lượng  các sản phẩm công nghiệp ngành chủ yếu được tiêu thụ với quyền số là “Doanh thu tiêu thụ sản phẩm” ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của năm gốc 2005. Chỉ số mới này đã được công bố để người dùng tin tham khảo hàng tháng từ năm 2009 trên GSO Website. Qui trình chọn mẫu, tỷ lệ trả lời của các doanh nghiệp và lộ trình chuyển đổi năm gốc tương tự như chỉ số IIP.  Từ tháng 01/2013 Tổng cục Thống kê đã chính thức công bố “Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hàng tháng theo năm gốc so sánh 2010”.  Từ tháng 09/2017 Tổng cục Thống kê đã chính thức công bố “Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hàng tháng theo năm gốc so sánh 2015”.  3. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hàng tháng theo phương pháp mới, sử dụng năm 2005 là năm gốc. Chỉ số này được tính toán trên cơ sở biến động về khối lượng  các sản phẩm công nghiệp chủ yếu tồn kho với quyền số là “Trị giá sản phẩm tồn kho” ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của năm gốc 2005. Chỉ số mới này đã được công bố để người dùng tin tham khảo hàng tháng từ năm 2009 trên GSO Website. Qui trình chọn mẫu, tỷ lệ trả lời của các doanh nghiệp và lộ trình chuyển đổi năm gốc cũng tương tự như chỉ số IIP.  Từ tháng 01/2013 Tổng cục Thống kê đã chính thức công bố “Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hàng tháng theo năm gốc so sánh 2010”.  Từ tháng 09/2017 Tổng cục Thống kê đã chính thức công bố “Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hàng tháng theo năm gốc so sánh 2015”. |
|  | **3.1.2. Các định nghĩa, phạm vi, phân loại, định giá và thời gian thu thập số liệu nguồn** |
|  |  |
|  | **3.1.3. Tính kịp thời của số liệu nguồn** |
|  |  |
| **3.2. Đánh giá nguồn số liệu** | **3.2.1. Đánh giá nguồn số liệu** |
|  |  |
| **3.3. Kỹ thuật thống kê** | **3.3.1. Các kỹ thuật thống kê số liệu nguồn** |
|  |  |
|  | **3.3.2. Các quy trình thống kê khác** |
|  |  |
| **3.4. Tính hợp lệ của số liệu** | **3.4.1. Tính hợp lệ của các số liệu trung gian** |
|  |  |
|  | **3.4.2. Đánh giá số liệu trung gian** |
|  |  |
|  | **3.4.3. Đánh giá những chênh lệch trong số liệu và những vấn đề khác trong các đầu ra thống kê** |
|  |  |
| **3.5. Nghiên cứu  sửa đổi** | **3.5.1. Nghiên cứu và phân tích những sửa đổi** |
|  |  |
| **4. Khả năng bảo trì** | |
| **4.1.Tính định kỳ  và kịp thời** | **4.1.1. Tính định kỳ** |
|  | Tháng, quý, năm |
|  | **4.1.2. Tính kịp thời** |
|  | 1. Ước tính hàng tháng: ngày 29 của tháng ước tính.  2. Hàng quý: ước tính được công bố vào ngày 29 tháng cuối cùng của quý thực hiện.  3. Hàng năm: Ước tính lần đầu được công bố vào ngày 29 tháng 12 của năm báo cáo. |
| **4.2. Tính thống nhất** | **4.2.1. Tính thống nhất trong từng lĩnh vực** |
|  | Chỉ số sản xuất (IIP), chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho ngành công nghiệp: Được công bố dưới dạng chỉ số theo ngành cấp I, cấp 2, cấp 4 và khoảng 150 sản phẩm công nghiệp chủ yếu. |
|  | **4.2.2. Tính thống nhất tạm thời** |
|  |  |
|  | **4.2.3. Tính thống nhất liên ngành và liên thông lĩnh vực** |
|  |  |
| **4.3. Thực hiện sửa đổi** | **4.3.1. Kế hoạch sửa đổi** |
|  |  |
|  | **4.3.2. Số liệu sơ bộ và/hoặc số liệu sửa đổi phải được xác định rõ ràng** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Số liệu sơ bộ, số liệu ước tính được giải thích cụ thể trong Luật Thống kê 2015 (khoản 16,17 Điều 3) |
|  | **4.3.3. Phổ biến những nghiên cứu và phân tích về sửa đổi** |
|  |  |
| **5. Khả năng tiếp cận số liệu** | |
| **5.1. Tiếp cận với  số liệu** | **5.1.1. Trình bày số liệu thống kê** |
|  | Chỉ số sản xuất (IIP), chỉ số tiêu thụ và chỉ số tồn kho được phổ biến ở dạng in ra giấy; dạng tệp dữ liệu điện tử, website GSO, internet. Số liệu được trình bày ở dạng bảng, biểu và được mô tả bằng lời văn, đồ thị và đã phổ biến dẫy số liệu theo chuỗi thời gian nhất định. |
|  | **5.1.2. Phương tiện và hình thức phổ biến số liệu** |
|  |  |
|  | **5.1.2.1. Bản giấy - Số liệu mới công bố** |
|  |  |
|  | **5.1.2.2. Bản giấy - Bản tin tuần** |
|  |  |
|  | **5.1.2.3. Bản giấy - Bản tin tháng** |
|  | “Báo cáo kinh tế - xã hội  hàng tháng” bằng tiếng Việt |
|  | **5.1.2.4. Bản giấy - Bản tin quý** |
|  | “Báo cáo kinh tế - xã hội  hàng quí” bằng tiếng Việt |
|  | **5.1.2.5. Bản giấy - Loại khác** |
|  | “Niên giám thống kê”. Tổng cục Thống kê, xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh |
|  | **5.1.2.6. Bản điện tử - Bản tin hoặc số liệu điện tử** |
|  | Trang web của TCTK: <http://www.gso.gov.vn> |
|  | **5.1.2.7. Bản điện tử - Loại khác** |
|  |  |
|  | **5.1.3. Lịch công bố số liệu trước** |
|  | Điều 48 Luật Thống kê và Điều 4 Nghị định số 94/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể thời gian (ngày, tháng, năm) công bố một số chỉ tiêu và sản phẩm chủ yếu của TCTK.  Lịch phổ biến thông tin được ban hành và công khai trên Website của TCTK trước 15/12 hàng năm. |
|  | **5.1.4. Công bố đồng thời** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Thông tin của Tổng cục Thống kê quy định phổ biến đồng thời số liệu thống kê cho công chúng và các bộ ngành trên website của TCTK hoặc tổ chức Họp báo công bố thông tin. |
|  | **5.1.5. Phổ biến thông tin theo yêu cầu** |
|  |  |
| **5.2. Siêu dữ liệu** | **5.2.1. Phổ biến tài liệu về khái niệm, phạm vi, bảng phân ngành, cơ sở ghi chép, nguồn số liệu và các kỹ thuật thống kê** |
|  | Tổng cục Thống kê có tài liệu về phương pháp tính IIP bằng tiếng Việt. |
| **5.3. Hỗ trợ cho người dùng tin** | **5.3.1 Phổ biến thông tin về đầu mối liên lạc** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Địa chỉ, điện thoại, thư điện tử của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê được phổ biến trên Website của TCTK; đăng ký trong danh bạ điện thoại của bưu điện.  Lịch phổ biến thông tin thống kê trên website đưa tên đơn vị liên hệ cụ thể đối với từng chỉ tiêu, sản phẩm thống kê. |
|  | **5.3.2. Tĩnh sẵn có của Ca-ta-lô về các tài liệu và dịch vụ** |
|  | **Tổng cục Thống kê**  Trước ngày 15/12 hàng năm, Tổng cục Thống kê công bố công khai Lịch phổ biến thông tin thống kê bằng tiếng Việt và tiếng Anh và được phổ biến trên website của Tổng cục Thống kê. |
| **9. Các kế hoạch** | |
| **9.1. Gần đây** | **9.1.1. Các kế hoạch cải tiến - Cải tiến gần đây** |
|  | Tổng cục Thống kê thay thế năm gốc so sánh 2010 sang 2015 từ tháng 06/2017. |
| **9.2. Kế hoạch chung** | **9.2.1. Kế hoạch cải tiến - ngắn hạn** |
|  | * Nghiên cứu chuyển đổi năm gốc 2015 sang năm gốc mới * Bổ sung Chỉ số sản xuất công nghiệp phân tổ theo vùng * Xây dựng dãy số liệu kết nối khi thực hiện chuyển đổi năm gốc |
|  | **9.2.2. Kế hoạch cải tiến - trung hạn** |
|  |  |
| **9.3. Tài chính** | **9.3.1. Kế hoạch cải tiến - Trợ giúp kỹ thuật/tài chính - ngắn hạn** |
|  | - Chỉ số sản xuất công nghiệp hàng tháng đang được Tổng cục Thống kê tiến hành do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) và Bộ Kinh tế, thương mại và Công nghiệp Nhật Bản” (METI) đã hỗ trợ.  - Để thực hiện kế hoạch cải tiến trong thời gian sắp tới mong tiếp tục nhận được sự trợ giúp về kỹ thuật cũng như tài chính của các tổ chức quốc tế, đặc biệt về phân tích chuyên sâu, điều chỉnh mùa vụ… |
|  | **9.3.2. Kế hoạch cải tiến - Trợ giúp kỹ thuật/tài chính - Trung hạn** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Đối tác liên hệ** | |
| **1.** Họ và tên: | Bà Phí Thị Hương Nga |
| Chức vụ: | Vụ truởng, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng |
| Cơ quan: | Tổng cục Thống kê |
| Địa chỉ: | 54 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội - Việt Nam |
| Điện thoại: | (84-24) 73046666 (Ext. 6969) |
| E-mail: | [phnga@gso.gov.vn](mailto:phnga@gso.gov.vn) |
|  |  |